

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc dự kiến chi phí quỹ lương kế hoạch và thực hiện năm 2025 của Người lao động, Ban điều hành và Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP CN – TM HỮU NGHỊ

Căn cứ Quyết định số 2078/QĐ/UB ngày 03/6/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xe & Máy thành Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp – Thương mại Hữu Nghị ban hành kèm theo Quyết định số 08/QĐ-HĐQT.2024 ngày 08/7/2024;

Căn cứ Tờ trình số 151/TTr-BTGD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty về việc dự kiến chi phí quỹ lương kế hoạch và thực hiện năm 2025 của Người lao động, Ban điều hành và Thành viên hội đồng, Kiểm soát viên;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 27/BB-HĐQT.2025 ngày 30/12/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị thống nhất việc tạm quyết toán quỹ lương năm 2025 để có số liệu làm cơ sở ghi nhận chi phí tạm hạch toán năm 2025, cụ thể như sau:

Bảng quỹ lương, thù lao thực hiện dự kiến và tạm chi năm 2025:

STT	Đối tượng áp dụng	Quỹ lương, thù lao kế hoạch dự kiến	Quỹ lương, thù lao thực hiện dự kiến
1	Người lao động	758.069.494	1.365.401.520
2	Ban điều hành	557.900.000	669.480.000
3	HĐQT và BKS	504.320.000	605.184.000
3.1	Lương chuyên trách Chủ tịch HĐQT	197.600.000	237.120.000
3.2	Thù lao HĐQT và BKS	306.720.000	368.064.000

Điều 2. Giao Ban điều hành thực hiện việc cân đối nguồn tài chính và thực hiện việc tạm chi quỹ lương năm 2025 theo tình hình thực tế tại đơn vị theo các nguyên tắc sau:

- Đối với Người lao động: được tạm chi tối đa không vượt quá 30% phần lương tăng theo năng suất lao động, và hệ số tiền lương gắn với lợi nhuận. Phần còn lại sẽ được chi khi được HĐQT phê duyệt theo quy định.

- Đối với Ban điều hành: được tạm chi ở mức tối đa không vượt quá quỹ lương kế hoạch. Phần còn lại sẽ được chi khi được HĐQT phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quỹ lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được tạm chi tối đa không vượt quá quỹ lương kế hoạch. Phần quỹ lương, thù lao còn lại sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Giao Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này theo Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Phòng Kế toán Công ty căn cứ Nghị quyết thi hành. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như điều 5;
- Lưu HĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Phụ lục 01;
- Phụ lục 02;
- Phụ lục 03;
- Phụ lục 04;
- Phụ lục 05;
- Phụ lục 06.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Tô Thiên Tân

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31. tháng 12. năm 2025

Phụ lục 1

TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2025 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

1. Mức tiền lương bình quân kế hoạch theo khoản 1 điều 7 Thông tư 003/2025/TT-BNV:

$$TLbqkh = TLbqthnt + TLbqthnt \times \frac{(Wkh - 1)}{Wthnt} \times Htln$$

TLbqkh: Mức tiền lương bình quân kế hoạch.

TLbqthnt: Mức tiền lương bình quân thực hiện năm trước liền kề: **5.996.303 đồng**

Wkh: Năng suất lao động kế hoạch 2025: **272,37**

Wthnt: Năng suất lao động thực hiện năm trước liền kề: **255,29**

Htln: Hệ số tiền lương gắn với lợi nhuận, trong đó lợi nhuận kế hoạch không thấp hơn so với lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề thì Htln bằng **1,0**. Do lợi nhuận kế hoạch năm 2025 là 861.732.402 đồng thấp hơn so với lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề là 1.276.373.247 đồng nên theo điểm b khoản 1 điều 9 Nghị định 44/2025/NĐ-CP thì tiền lương tăng tối đa không quá 80% mức tăng năng suất lao động.

$$TLbqkh = 5.996.303 + 5.996.303 \times \frac{(272,37 - 1)}{255,29} \times 0,8 = 6.317.245 \text{ đồng}$$

Mức tiền lương bình quân kế hoạch năm 2025 là **6.317.245 đồng**

2. Quỹ tiền lương kế hoạch 2025 theo khoản 1 điều 9 Thông tư 003/2025/TT-BNV:

$$Qkh = TLbqkh \times Lkhbq \times t + Vdt$$

TLbqkh: Mức tiền lương bình quân kế hoạch: **6.317.245 đồng**

Lkhbq: Số lao động bình quân kế hoạch: **10 lao động**

t: Số tháng doanh nghiệp hoạt động trong năm: **12 tháng**

Vdt: Khoản chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể do tổ chức đoàn thể trả lương (Công ty không có cán bộ chuyên trách đoàn thể).

$$Qkh = TLbqkh \times Lkhbq \times t = 6.317.245 \times 10 \times 12 = 758.069.494 \text{ đồng.}$$

Quỹ tiền lương kế hoạch 2025 của người lao động là **758.069.494 đồng**.



BẢNG DỰ KIẾN QUỸ LƯƠNG KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH KHI ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG NĂM 2025

TT	Họ tên	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng	Số tháng làm việc	Ghi chú
		M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương			
1	Tổng giám đốc	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	20.000.000	24.300.000	20.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	264.300.000	12	
2	Phó Tổng giám đốc	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	16.800.000	0	0	0	0	0	0	100.800.000	6	
3	Kế toán trưởng	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000	18.400.000	18.400.000	18.400.000	18.400.000	18.400.000	192.800.000	12	
	Tổng cộng quỹ lương Ban điều hành													557.900.000	30	

TPHCM, ngày 29 tháng 12 năm 2025
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
HỮU NGHỊ
HỒ VĂN TUẤN

DỰ TÍNH QUỸ LƯƠNG, THÙ LAO KẾ HOẠCH NĂM 2025 CỦA HĐQT VÀ BKS

Phụ lục 3

I										
Lương Thành viên HĐQT - BKS										
STT	Họ tên	Chức danh	Mức lương theo ND 44/2025/NĐCP	Thời gian hưởng	Lương	Mức lương theo ND 248/2025/NĐ CP	Thời gian hưởng	Lương	Tổng lương	Ghi chú
1	Tô Thiên Tân	CT.HĐQT	24.800.000	2	49.600.000	29.600.000	5	148.000.000	197.600.000	
	Cộng								197.600.000	
II										
Thù lao HĐQT và BKS										
STT	Họ tên	SL	Mức thù lao	Thời gian hưởng	Thù lao	Mức thù lao	Thời gian hưởng	Thù lao	Tổng thù lao	Ghi chú
1	Lê Tấn Dương	CT.HĐQT	4.960.000	5	24.800.000			-	24.800.000	
	Cộng								24.800.000	
2	Huỳnh Văn Quang Trung	Trưởng BKS	4.160.000	5	20.800.000			-	20.800.000	
	Cộng								20.800.000	
3	Nguyễn Thị Thu	Trưởng BKS	4.160.000	2	8.320.000	4.960.000	5	24.800.000	33.120.000	
	Cộng								33.120.000	
4	Võ Hồng Phong	TV.HĐQT	4.000.000	5	20.000.000			-	20.000.000	
	Cộng								20.000.000	
5	Hồ Văn Tuấn	TV.HĐQT	4.000.000	7	28.000.000	4.800.000	5	24.000.000	52.000.000	
	Cộng								52.000.000	
6	Lương Thị Ánh Nguyệt	TV.HĐQT	4.000.000	7	28.000.000	4.800.000	5	24.000.000	52.000.000	
	Cộng								52.000.000	
7	Nguyễn Thị Thu	TV.BKS	4.000.000	5	20.000.000				20.000.000	
	Cộng								20.000.000	
8	Hoàng Bích Châu	TV.BKS	4.000.000	7	28.000.000	4.800.000	5	24.000.000	52.000.000	
	Cộng								52.000.000	
9	Bùi Thị Thuỷ Tiên	TV.BKS	4.000.000	2	8.000.000	4.800.000	5	24.000.000	32.000.000	
	Cộng								32.000.000	
Tổng cộng lương, thù lao kế hoạch năm 2025				45	-		30		504.320.000	

Ghi chú: Mức lương kế hoạch HDQT và BKS căn cứ theo điểm b khoản 1, Điều 21 Nghị định 44/2025/NĐ-CP

TPHCM, ngày 29 tháng 12 năm 2025



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31. tháng 12 năm 2025

Phụ lục 4

**TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN DỰ KIẾN NĂM 2025 CỦA
NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Mức tiền lương bình quân thực hiện theo điều 8 Thông tư 003/2025/TT-BNV:

$$TLbqth = TLbqkh + TLbqkh \times \frac{(Wth - 1)}{Wkh} \times Htlln$$

TLbqth: Mức tiền lương bình quân thực hiện.

TLbqkh: Mức tiền lương bình quân kế hoạch: **6.317.245 đồng**

Wth: Năng suất lao động thực hiện 2025: **766,13**

Wkh: Năng suất lao động kế hoạch năm 2025: **272,37**

Htlln: Hệ số tiền lương gắn với lợi nhuận, trong đó lợi nhuận kế hoạch không thấp hơn so với lợi nhuận thực hiện năm trước liền kề thì Htlln bằng 1,0. Tuy nhiên, do lợi nhuận SXKD chính của Công ty (không tính đến lợi nhuận từ tiền lãi gửi phần cổ tức của Công ty Song Mai là 3.061.269.714 đồng) đạt 1.947.166.940 đồng, nên để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Công ty và người lao động Công ty chọn mức tăng tiền lương tăng tối đa là 30% mức tăng năng suất lao động.

$$TLbqth = 6.317.245 + 6.317.245 \times \frac{(766,13 - 1)}{272,37} \times 0,3 = 9.752.868 \text{ đồng}$$

Mức tiền lương bình quân thực hiện dự kiến năm 2025 của người lao động là **9.752.868 đồng**.

2. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 theo khoản 2 điều 9 Thông tư 003/2025/TT-BNV:

$$Qth = TLbqth \times Lthbq \times t + Vdt$$

TLbqth: Mức tiền lương bình quân thực hiện: **9.752.868 đồng**

Lthbq: Số lao động bình quân thực hiện: **10 lao động**

t: Số tháng doanh nghiệp hoạt động trong năm: **12 tháng**

Vdt: Khoản chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể do tổ chức đoàn thể trả lương (Công ty không có cán bộ chuyên trách đoàn thể).

Quỹ lương thực hiện của NLD dự kiến tăng thêm 30% theo mức tăng năng suất lao động

$$Qth = TLbqth \times Lthbq \times t = 9.752.868 \times 10 \times 12 = 1.170.344.160 \text{ đồng.}$$

Theo khoản 3 điều 11 Nghị định 44/2025/NĐ-CP thì khi lợi nhuận vượt kế hoạch thì được tăng thêm vào quỹ tiền lương và không quá 02 tháng tiền lương bình quân thực hiện.

Quỹ lương thực hiện tăng thêm 02 tháng lương:

$$+ \text{Trung bình 01 tháng lương thực hiện} = 1.170.344.160 \text{ đồng} / 12 = 97.528.680 \text{ đồng.}$$

$$+ \text{Trung bình 01 tháng lương thực hiện} = 97.528.680 \text{ đồng} \times 2 = 195.057.360 \text{ đồng.}$$

Quỹ lương thực hiện tăng thêm 02 tháng lương

= 1.170.344.160 đồng + 195.057.360 đồng = 1.365.401.520 đồng

Quỹ tiền lương thực hiện dự kiến năm 2025 của người lao động là 1.365.401.520 đồng.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ho Văn Tuấn

BẢNG DỰ KIẾN QUỸ LƯƠNG THỰC HIỆN CỦA BAN ĐIỀU HÀNH KHI ÁP DỤNG MỨC LƯƠNG NĂM 2025

TT	Họ tên	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tổng cộng	Số tháng làm việc	Quy ra số LD
		M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương	M.lương			
1	Tổng giám đốc	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	24.000.000	29.160.000	24.000.000	28.800.000	28.800.000	28.800.000	28.800.000	28.800.000	317.160.000	12	1
2	Phó Tổng giám đốc	20.160.000	20.160.000	20.160.000	20.160.000	20.160.000	20.160.000	0	0	0	0	0	0	120.960.000	6	0,5
3	Kế toán trưởng	17.280.000	17.280.000	17.280.000	17.280.000	17.280.000	17.280.000	17.280.000	22.080.000	22.080.000	22.080.000	22.080.000	22.080.000	231.360.000	12	1
	Tổng quỹ lương thực hiện của Ban điều hành													669.480.000	30	2,5

TPHCM, ngày 29 tháng 12 năm 2025
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
HỮU NGHỊ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Hò Văn Tuấn



Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Hữu Nghị

BẢNG DỰ TÍNH QUỸ LƯƠNG, THÙ LAO THỰC HIỆN NĂM 2025 CỦA HĐQT VÀ BKS

Phụ lục 6

Lương Thành viên HĐQT - BKS

STT	Họ tên	Chức danh	Mức lương theo NĐ 44/2025/NĐCP	Thời gian hưởng	Lương	Mức lương theo NĐ 248/2025/NĐCP	Thời gian hưởng	Lương	Tổng lương
1	Tô Thiên Tân	CT.HĐQT	29.760.000	2	59.520.000	35.520.000	5	177.600.000	237.120.000
	Cộng								237.120.000

II	Thù lao HĐQT và BKS								
STT	Họ tên	SL	Mức thù lao	Thời gian hưởng	Thù lao	Mức thù lao	Thời gian hưởng	Thù lao	Tổng thù lao
1	Lê Tấn Dương	CT.HĐQT	5.952.000	5	29.760.000			-	29.760.000
	Cộng								29.760.000
2	Huỳnh Văn Quang Trung	Trưởng BKS	4.992.000	5	24.960.000			-	24.960.000
	Cộng				-				24.960.000
3	Nguyễn Thị Thu	Trưởng BKS	4.992.000	2	9.984.000	5.952.000	5	29.760.000	39.744.000
	Cộng								39.744.000
4	Võ Hồng Phong	TV.HĐQT	4.800.000	5	24.000.000			-	24.000.000
	Cộng								24.000.000
5	Hồ Văn Tuấn	TV.HĐQT	4.800.000	7	33.600.000	5.760.000	5	28.800.000	62.400.000
	Cộng								62.400.000
6	Lương Thị Ánh Nguyệt	TV.HĐQT	4.800.000	7	33.600.000	5.760.000	5	28.800.000	62.400.000
	Cộng								62.400.000
7	Nguyễn Thị Thu	TV.BKS	4.800.000	5	24.000.000				24.000.000
	Cộng								24.000.000
8	Hoàng Bích Châu	TV.BKS	4.800.000	7	33.600.000	5.760.000	5	28.800.000	62.400.000
	Cộng				-			-	62.400.000
9	Bùi Thị Thuỷ Tiên	TV.BKS	4.800.000	2	9.600.000	5.760.000	5	28.800.000	38.400.000
	Cộng				-			-	38.400.000
	Tổng lương, thù lao thực hiện của HĐQT và BKS năm 2025			47	-		30		605.184.000